

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: ~~1727~~ /UBDT-HTQT

V/v báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ~~12~~ tháng 10 năm 2022

Kính gửi: .....

Thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “*Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số*” đến năm 2025.

Để kịp thời tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án tại các Bộ, ngành, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc đề nghị Quý cơ quan báo cáo kết quả đánh giá tình hình triển khai thực hiện Đề án “*Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số*” năm 2022 của ngành, địa phương mình theo đề cương hướng dẫn và mẫu thống kê đính kèm công văn này.

Báo cáo xin gửi về Ủy ban Dân tộc (Vụ Hợp tác quốc tế) trước ngày 15/11/2022. Địa chỉ: số 349 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

Bản mềm gửi trước về địa chỉ email: [htqt@cema.gov.vn](mailto:htqt@cema.gov.vn)

Chi tiết xin liên hệ: Ông Hoàng Văn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Ủy ban Dân tộc; ĐT: 0912164078

Xin cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (b/c);
- TT, PCN Y Thông;
- Lưu: VT, HTQT. 5

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Y Thông

## **ỦY BAN DÂN TỘC**

### **ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BÁO CÁO**

**Thực hiện Quyết Định số 2152/QĐ-TTg ngày 18/12/2020 của Thủ Tướng Chính Phủ**  
(Kèm theo Công văn số ~~1727~~ /UBDT-HTQT ngày ~~12~~ tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

#### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

- (Đối với địa phương) Nêu khái quát đặc điểm tình hình địa phương, trong đó nêu rõ về tình hình vùng dân tộc thiểu số (DTTS).
- Nêu kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nội dung của Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 2152.
- (Đối với các Bộ, ngành): Nêu rõ các hoạt động theo trách nhiệm được giao tại Quyết định số 2152.

#### **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM**

Thông kê đã huy động được bao nhiêu tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động đầu tư, hỗ trợ cho phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN. Các hình thức đầu tư, hỗ trợ. Số lượng các công trình, dự án...đã được đầu tư, hỗ trợ. Tổng số nguồn lực tài chính huy động được (quy đổi tiền VN đồng) và tổng số tiền do Bộ, ngành, địa phương đối ứng (nếu có), theo các nội dung, lĩnh vực gắn với CTMTQG, cụ thể như sau:

1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt của hộ dân tộc thiểu số.
2. Sắp xếp, quy hoạch, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.
3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.
4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.
5. Đầu tư phát triển giáo dục đào tạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số; Đầu tư nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.
6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.
7. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.
8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.
9. Đầu tư phát triển cho nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

11. Các lĩnh vực khác...

12. Tổng hợp kết quả thu hút nguồn lực ở địa phương (*theo biểu mẫu đính kèm*).

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Đánh giá hiệu quả công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, Lãnh đạo đơn vị, chính quyền trong việc thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Đánh giá về hiệu quả, tác động của các công trình, dự án... đối với công tác phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Đánh giá về thuận lợi của cơ quan, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện.

- Nêu các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Bài học kinh nghiệm chung cho công tác huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng DTTS&MN.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023**

### **V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**



ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

## BIỂU THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QĐ 2152 NĂM.....

(Kèm theo báo cáo số .....)

Đơn vị tính: Triệu VN đồng

STT	Tên chương trình dự án	Tổ chức, cá nhân tài trợ	Thời gian bắt đầu	thời gian kết thúc	Tổng kinh phí	Vốn tài trợ	Vốn đối ứng	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
Tổng cộng									

Ngày      tháng      năm 2022  
Người lập biểu



## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN NHẬN CÔNG VĂN

m

CÁC BỘ NGÀNH, CƠ QUAN TW: 25		
1	Bộ Ngoại giao	
2	Bộ Công an	
3	Bộ Quốc phòng	
4	Bộ Nội vụ	
5	Bộ Tài chính	
6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
8	Bộ Y tế	
9	Bộ Giao thông vận tải	
10	Bộ Công Thương	
11	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
12	Bộ Thông tin và Truyền thông	
13	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
14	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
15	Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội	
16	Bộ Tư pháp	
17	Bộ Khoa học công nghệ	
18	Bộ Xây dựng	
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
20	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam	
21	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	
22	Hội Nông dân Việt Nam	
23	Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
24	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	
25	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam	
UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ: 52		
1	Tỉnh An Giang	
2	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	
3	Tỉnh Bắc Giang	
4	Tỉnh Bạc Liêu	
5	Tỉnh Bình Dương	

6	Tỉnh Bắc Cạn	
7	Tỉnh Bình Phước	
8	Tỉnh Bình Định	
9	Tỉnh Bình Thuận	
10	TP Cần Thơ	
11	Tỉnh Cao Bằng	
12	Tỉnh Cà Mau	
13	Tỉnh Đắk Lắk	
14	Tỉnh Đắk Nông	
15	Tỉnh Điện Biên	
16	Tỉnh Đồng Nai	
17	Tỉnh Gia Lai	
18	Tỉnh Hà Giang	
19	TP Hà Nội	
20	Tỉnh Hà Tĩnh	
21	Tỉnh Hậu Giang	
22	Tỉnh Hoà Bình	
23	Tỉnh Khánh Hoà	
24	Tỉnh Kiên Giang	
25	Tỉnh Kon Tum	
26	Tỉnh Lai Châu	
27	Tỉnh Lào Cai	
28	Tỉnh Lạng Sơn	
29	Tỉnh Lâm Đồng	
30	Tỉnh Long An	
31	Tỉnh Nghệ An	
32	Tỉnh Ninh Bình	
33	Tỉnh Ninh Thuận	
34	Tỉnh Phú Thọ	
35	Tỉnh Phú Yên	
36	Tỉnh Quảng Bình	
37	Tỉnh Quảng Nam	
38	Tỉnh Quảng Ngãi	
39	Tỉnh Quảng Ninh	
40	Tỉnh Quảng Trị	
41	Tỉnh Sóc Trăng	
42	Tỉnh Sơn La	
43	Tỉnh Tây Ninh	

44	Tỉnh Thanh Hoá	
45	Tỉnh Thái Nguyên	
46	Tỉnh Thừa Thiên-Huế	
47	Tỉnh Trà Vinh	
48	Tỉnh Tuyên Quang	
49	Tỉnh Vĩnh Long	
50	Tỉnh Vĩnh Phúc	
51	Tỉnh Yên Bái	
52	TP Hồ Chí Minh	

W